| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2021/HN&GĐ - ST.
Ngày:13/4/2021.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

***- N phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên toà:* Ông Nguyễn Hà Giang;
*Các hội thẩm nhân dân:*Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Thẩm.
***- Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị T2 - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa***: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST-HN&GĐ ngày 05/3/2021; Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/4/2021giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1988;
ĐKHKTT: Khu 15, xóm H, thôn D, xã C, huyện L, Phú Thọ. Hiện đang ở tại: F1, F2, F3, Nhật Bản.
Người đại diện theo ủy quyền của chị B: Anh Nguyễn V, sinh năm 1985;
ĐKHKTT: Khu 7 (nay là khu 3), xã S, thành phố K, tỉnh Phú Thọ.
**Bị đơn:** Anh Đặng N, sinh năm 1990;
ĐKHKTT: Khu 15, xóm H, thôn D, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
(các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị Bà anh Đặng N kết hôn ngày 21/12/2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nên bất đồng quan điểm sống. Năm 2016, chị B đi làm việc tại Nhật Bản, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm

nhau, bản thân chị đã không còn tình cảm với anh N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Q, sinh ngày 28/9/2010 và cháu Đặng Y, sinh ngày 07/3/2014. Hiện nay các cháu đang ở với mẹ chị B là bà Nguyễn Thị I, tại khu 3, xã S, Thành phố K. Nguyện vọng của chị là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. trong thời gian chị ở nước ngoài mẹ chị là bà I sẽ chăm sóc hai cháu cho đến khi Chị B về nước đón các cháu. Nếu trường hợp anh N xin được nuôi cả hai cháu thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp chị phải cấp dưỡng nuôi con thì người đại diện theo ủy quyền của chị là anh Nguyễn V sẽ thay mặt chị quyết định về vấn đề này.

Về tài sản, công nợ chung; công sức đóng góp của vợ chồng: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do Chị B đang làm việc tại Nhật Bản không thể có mặt khi Tòa án giải quyết việc ly hôn của Chị Bà anh N nên Chị B ủy quyền cho anh Nguyễn V, sinh năm 1985; ĐKHKTT: Khu 3, xã S, thành phố K, tỉnh Phú Thọ là anh trai Chị B thay Chị B nộp đơn xin ly hôn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, nộp án phí và quyết định các vấn đề trong phạm vi ủy quyền theo quy định của pháp luật trong qúa trình tòa án giải quyết việc ly hôn của Chị Bà anh N.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn V trình bày: Anh là anh trai của Chị B, đồng ý nhận sự ủy quyền của Chị B. Anh V đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan sẽ giao lại cho Chị B. Đối với việc ly hôn của Chị B và anh N, Chị B đã trình bày quan điểm trong đơn khởi kiện của Chị B nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Đặng N trình bày: Anh N xác nhận thời gian kết hôn và các thủ tục xung quanh việc kết hôn, quá trình chung sống như Chị B trình bày. Nay Chị B yêu cầu được ly hôn với anh, anh xét thấy vẫn còn tình cảm với Chị B nhưng nếu Chị B kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có hai con chung như Chị B trình bày. Nếu ly hôn anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Cháu Đặng Q và cháu Đặng Y đều có nguyện vọng xin được ở với anh.

Về tài sản, công nợ chung; công sức đóng góp của vợ chồng: Anh N xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Về nội dung vụ án, đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điều 51, 56, 81, 82, 83, 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điều 37; khoản 4 điều 147; điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Đặng N.

Về con chung: Giao cháu Đặng Q, sinh ngày 28/9/2010 và cháu Đặng Y, sinh ngày 07/3/2014 cho anh Đặng N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

Về tài sản chung,công nợ, công sức đóng góp: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Đặng N tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, Chị B trình bày hiện đang sống và làm việc tại Nhật Bản. Tại văn bản số: 5895/QLXNC-P5 ngày 17/3/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận Chị B đã xuất cảnh gần nhất ngày 19/3/2019 và chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này Chị B không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Đặng N trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 21/12/2009 tại UBND xã Cao xá, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị B và anh N đã xảy ra mâu thuẫn theo như lời khai của Chị B thì vợ chồng tính cách không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống, còn anh N cho rằng thời gian gần đây Chị B có gọi điện và trao đổi việc ly hôn và từ tháng 01/2021 đến nay Chị B không V lạc gì với anh nữa. Nay Chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên Chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Còn anh N cũng có quan điểm nếu Chị B kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Do chị Nguyễn Thị B đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản và do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên không xin được xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản vào đơn xin ly hôn, đơn xin giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền gửi về Việt Nam.Theo yêu cầu của anh Nguyễn V là người được Chị B ủy quyền,Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định dấu vân taytrong đơn khởi kiện về việc yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con; trong đơn xin giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền chị Nguyễn Thị B gửi từ Nhật Bản về với dấu vân tay trong chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị B. Tại kết luận giám định số 380/KL-GĐ ngày 16/3/2021 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ: Kết luận *" các dấu vân tay in dưới các chữ " ngón trỏ phải" và " ngón trỏ trái" trên " Đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con; trên giấy ủy quyền và trên đơn xin giải quyết vắng mặt đều ghi ngày 19/02/2021(mẫu cần giám định) so với các dấu vân tay in ở ô ngón*

*trỏ phải, ngón trỏ trái trên Giấy chứng minh nhân dân số 132040451 họ tên Nguyễn Thị B, sinh năm 1988, Nơi ĐKHKTT: C, L, Phú Thọ (mẫu so sánh)* ***là của cùng một người in ra****".* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ này có đủ cơ sở để khẳng định các giấy tờ trên là do Chị B viết và ký, điểm chỉ. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa Chị B và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Chị B được ly hôn anh N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B và anh N đều có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung là cháu Đặng Q, sinh ngày 28/9/2010 và cháu Đặng Y, sinh ngày 07/3/2014 và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của Chị B và anh N là chính đáng nhưng hiện nay Chị B đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc cho hai cháu Q và cháu Y được. Anh N đang ở Việt Nam có thu nhập, có chỗ ở ổn định hơn nữa cháu Đặng Q và cháu Đặng Y đều có nguyện vọng xin được ở với anh N. Để đảm bảo cho hai cháu có điều kiện phát triển tốt nhất, cần giao cả hai cháu Đặng Quốc Long và cháu Đặng Yến Nhi cho anh Đặng N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu Chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh nên không buộc Chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

[4] Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Do Chị B và anh N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 207; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Đặng N.

[2]. Về con chung: Giao cháu Đặng Q, sinh ngày 28/9/2010 và cháu Đặng Y, sinh ngày 07/3/2014 cho anh Đặng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu N niên và có khả năng lao động. Chị Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đặng N. Chị Nguyễn Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Do Chị B và anh N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị B đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí do anh Nguyễn V nộp thaytại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004348 ngày 05/3/2021 Tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

**[**5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng cáo của Chị B là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh;
- CụcTHADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hà Giang**

**N VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hảohị O** **Nguyễn P** **Nguyễn Hà Giang**

*Nơi nhận*:**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- VKSND tỉnh Phú Thọ;**THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND thị trấn J;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: HS+AV:

**Nguyễn Trường S**

**N VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hảohị C1 Nguyễn Ngọc C2 Vũ Anh C3**

***Nơi nhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- VKSND tỉnh Phú Thọ; **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường T1;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: HS+AV:

**Vũ Anh C3**

**N VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hảohị HảoNguyễn Thị Phẩm** **Vũ Anh Tuấn**

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: HS+AV:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Vũ Anh Tuấn**

**N VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Điền** **Nguyễn Thị Phẩm** **Vũ Anh Tuấn**

*Nơi nhận*:**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- VKSNDTỉnh Phú Thọ;**THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: HS+AV:

**Vũ Anh Tuấn**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Phú Thọ, ngày 01 tháng 9 năm 2016*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa:
**Nguyên đơn: Anh Vũ Chiến Hậu**- sinh năm 1976.
ĐKNKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
**Bị đơn: Chị Lê Hồng Thắm** - sinh năm 1978.
ĐKHKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
(chị Thắm hiện đang ở nước ngoài).
Thân nhân của chị Lê Hồng Thắm: Ông Lê Quang Bình, sinh năm 1949.
(Bố đẻ chị Thắm).
Trú tại: Khu 7, xã Minh Phú, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.
**Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Chủ toạ phiên toà: **Ông Vũ Anh Tuấn;**
Các hội Thẩm nhân dân **Ông Nguyễn Anh Tuấn**
**Bà Nguyễn Thị Phẩm**

Vào hồi 9h15' ngày 01/9/2016, Tại phòng nghị án Hội đồng nghị án các vấn đề sau:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56;Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Chiến Hậu được ly hôn với chị Lê Hồng Thắm.

Về án phí: Anh Vũ Chiến Hậu phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơthẩm. Xác nhận anh Hậu đã nộp 200.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 007964 ngày 07/6/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Biểu quyết: 03/03 = 100% nhất trí.

Biên bản lập xong và đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên d- ới đây./.

**Các hội Thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Bá ĐiềnNguyễn Thị PhẩmVũ Anh Tuấn**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TỈNH PHÚ THỌĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2016/TL-HNGĐ *Việt Trì, ngày 03tháng 10 năm 2016*

# TRÍCH LỤC
# BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Tại bản ánhôn nhân và gia đìnhsơ thẩm số: 32/2016/HNGĐ-ST ngày 01/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọđã xét xử giữa:

**Nguyên đơn: Anh Vũ Chiến Hậu**- sinh năm 1976.

ĐKNKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

**Bị đơn: Chị Lê Hồng Thắm** - sinh năm 1978.

ĐKHKTT: Tổ 3, khu 9, phường Nông Trang, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(chị Thắm hiện đang ở nước ngoài).

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**
**ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56;Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Chiến Hậu được ly hôn với chị Lê Hồng Thắm.

Về án phí: Anh Vũ Chiến Hậu phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơthẩm. Xác nhận anh Hậu đã nộp 200.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 007964 ngày 07/6/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ./.

***Nơi nhận:*****TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**
- Các đ- ơng sự. **THẨM PHÁN**

**Vũ Anh Tuấn**